

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa và vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và ông Tô Sỹ Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hiếu-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 13/3/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Ngô Đức T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện P, tỉnh H.

Nguyên đơn có mặt.

2. Bị đơn:

Anh Phạm Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn C, xã TĐ, huyện P, tỉnh H.

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/11/2020, ông Ngô Đức T thỏa thuận bằng văn bản với anh Phạm Văn H, theo đó ông T mua của anh H 07 con lợn đẻ với số tiền là 70 triệu đồng, sau đó ông T lại thỏa thuận với anh H để anh H mua cho ông T 02 con lợn đẻ nữa với số tiền là 20.000.000 đồng. Ngày 27/11/2020, ông T đã đưa tiền mặt cho anh H là 70.000.000 đồng. Ngày 03/12/2020, ông T chuyển khoản cho anh H là

45.000.000 đồng, trong số tiền chuyển khoản này có số tiền chuyển để anh H mua cho ông T 02 con lợn để với số tiền 20.000.000 đồng, còn số tiền 25.000.000 đồng là ông T gửi cho anh H để anh H lo việc khác cho ông T chứ không phải tiền mua lợn. Như vậy ông T đã đưa anh H tổng số tiền là 90.000.000 đồng để anh H mua cho ông T 09 con lợn để. Sau khi nhận tiền, anh H không mua lợn cho ông T như đã thỏa thuận và cũng không trả tiền cho ông T. Ông T đòi nhiều lần thì anh H trả được 13.000.000 đồng, số còn lại chưa trả là 77.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này là ông T đưa anh H và chỉ trao đổi với anh H chứ không liên quan đến ai khác, việc ông T ghi chị Lưu Thị Hồng D là vợ anh H là người liên quan trong đơn khởi kiện là do ông T không hiểu nên đã ghi như vậy chứ chị D không liên quan gì.

Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu anh H phải trả ông T số tiền 77.000.000 đồng và lãi suất của số tiền này theo mức lãi suất là 12%/năm tính từ ngày 27/11/2020 cho đến nay làm tròn là 02 năm 06 tháng = $77.000.000 \text{ đồng} \times 12\% \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng} = 23.100.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền ông T yêu cầu anh H trả là $77.000.000 \text{ đồng} + 23.100.000 \text{ đồng} = 100.100.000 \text{ đồng}$.

Trước đây, ông T đã làm đơn trình báo với công an huyện Phù Cừ về việc anh H không trả tiền. Tại Công an huyện Phù Cừ, anh H đã nhận còn nợ ông T số tiền là 96.000.000 đồng gồm cả tiền mua lợn và tiền vay, anh H cam kết sẽ trả nợ làm nhiều đợt trong năm 2021. Cũng tại cơ quan công an, Công an đã thông báo cho ông T là vụ việc không có dấu hiệu tội phạm và hướng dẫn ông T khởi kiện anh H ra Tòa án. Đến nay ông T không thắc mắc, khiếu nại gì với kết quả giải quyết của công an huyện Phù Cừ. Sau khi cam kết ở công an Phù Cừ, anh H đã trả ông T được một số tiền và đến nay còn nợ ông T là 77.000.000 đồng như ông T đã trình bày ở trên.

Ngoài ra ông T không còn yêu cầu nào khác.

Anh Phạm Văn H trình bày: Ngày 27/11/2020, anh H và ông T thỏa thuận anh H sẽ mua cho ông T 07 con lợn với số tiền là 70.000.000 đồng. Hai bên viết giấy biên nhận ngày 27/11/2020, anh H đã nhận của ông T số tiền là 70.000.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận ngày 27/11/2020, anh H đã tìm lợn, yêu cầu ông T lấy lợn nhưng ông T không lấy lợn nữa với lý do đang bị dịch tả lợn châu Phi. Vì vậy hai bên không thực hiện được thỏa thuận ngày 27/11/2020. Ngoài ra anh H còn vay của ông T một vài lần nữa do ông T đưa tiền mặt cho anh H. Trong số này anh H đã trả cho ông T được một vài lần nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu. Cho đến nay anh H khẳng định còn nợ ông T số tiền gồm tiền mua lợn, tiền vay ông T tổng số là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

Về việc ông T khởi kiện, anh H có quan điểm như sau:

Việc anh H nhận tiền của ông T để mua lợn cho ông T, vay tiền của ông T là cá nhân anh H vay chứ không liên quan gì đến ai khác. Cho đến nay anh H thừa nhận vẫn nợ ông T số tiền nợ gốc là 77.000.000 đồng và số tiền lãi như ông T đã tính toán là 12%/năm tính đến ngày 14/4/2023 là 13.860.000 đồng. Anh H chấp nhận trả nợ ông T toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất ông T tính là 12%/năm kể từ ngày 27/11/2020 cho đến nay. Anh H đã được Tòa án cho xem bản phô tô Biên bản nhận tiền mua heo nái ngày 27/11/2020 mà ông T cung cấp cho Tòa án, anh H khẳng định phần nội dung của Giấy và chữ ký, chữ

viết ở phần người nhận tiền đúng là chữ viết, chữ ký của anh H. Anh H trình bày, anh H và ông T không thể hòa giải với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa anh H và ông T mà giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh H. Anh H không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông T yêu cầu anh H trả số tiền 77.000.000 đồng và chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 27/11/2020 đến ngày 14/6/2023 làm tròn là 02 năm 06 tháng với mức lãi suất là 12%/năm. Ngoài ra ông T không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa và vay tài sản.

Áp dụng Điều 274, 275, 430 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh H phải trả cho ông T số tiền là 77.000.000 đồng và lãi của số tiền này là $77.000.000 \text{ đồng} \times 12\% \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng} = 23.100.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền anh H phải trả cho ông T là $77.000.000 \text{ đồng} + 23.100.000 \text{ đồng} = 100.100.000 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án:

Ngày 27/11/2020, ông Ngô Đức T thỏa thuận bằng văn bản với anh Phạm Văn H, theo đó ông T mua của anh H 07 con lợn đẻ với số tiền là 70 triệu đồng, sau đó ông T lại thỏa thuận với anh H để anh H mua cho ông T 02 con lợn đẻ nữa với số tiền là 20.000.000 đồng. Ngày 27/11/2020, ông T đã đưa tiền mặt cho anh H là 70.000.000 đồng. Ngày 03/12/2020, ông T chuyển khoản cho anh H là 45.000.000 đồng, trong số tiền chuyển khoản này có số tiền chuyển để anh H

mua cho ông T 02 con lợn đẻ với số tiền 20.000.000 đồng, còn số tiền 25.000.000 đồng là ông T gửi cho anh H để anh H lo việc khác cho ông T chứ không phải tiền mua lợn. Như vậy ông T đã đưa anh H tổng số tiền là 90.000.000 đồng để anh H mua cho ông T 09 con lợn đẻ. Sau khi nhận tiền, anh H không mua lợn cho ông T như đã thỏa thuận và cũng không trả tiền cho ông T. Ông T đòi nhiều lần thì anh H trả được 13.000.000 đồng, số còn lại chưa trả là 77.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này là ông T đưa anh H và chỉ trao đổi với anh H chứ không liên quan đến ai khác. Anh H cũng xác nhận đã thỏa thuận mua lợn cho ông T ngoài ra anh còn vay ông T tiền. Sau khi thỏa thuận mua lợn cho ông T, vay tiền ông T, anh H cho rằng đã mua lợn cho ông T nhưng ông T không lấy lợn nữa, anh H đã trả cho ông T được một vài lần nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu. Cho đến nay anh H khẳng định còn nợ ông T số tiền gồm tiền mua lợn, tiền vay ông T tổng số là 77.000.000 đồng và số tiền lãi như ông T đã tính toán là 12%/năm. Anh H chấp nhận trả nợ ông T toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất ông T tính là 12%/năm kể từ ngày 27/11/2020 cho đến nay.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ khác thì có căn cứ xác định đây là quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản” mà người khởi kiện là ông T, người bị kiện là anh H.

Anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ các chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử nhận định: Cả nguyên đơn, bị đơn đều trình bày có thỏa thuận mua bán lợn, cho nhau vay tiền. Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày thống nhất về số tiền bị đơn đã nhận chưa trả gồm tiền nhận mua lợn nhưng không mua, tiền vay, số tiền còn lại là 77.000.000 đồng và lãi của số tiền này tính từ ngày 27/11/2020 cho đến nay với mức lãi suất là 12%/năm. Ông T, anh H đều xác định anh H là người nhận tiền của ông T để mua lợn, vay tiền của ông T chứ không liên quan đến ai khác nên xác định anh H người nhận tiền, người vay tiền và phải có nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự với ông T.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Ông T, anh H có thỏa thuận về việc mua bán lợn, do anh H vi phạm hợp đồng mua bán lợn nên hai bên không thực hiện hợp đồng nữa. Đồng thời anh H còn có quan hệ vay tiền của ông T. Ông T khởi kiện yêu cầu anh H trả lại số tiền ông T đưa anh H để anh H mua lợn cho ông T, đòi số tiền anh H đã vay của ông T là 77.000.000 đồng và lãi của số tiền này tính từ ngày 27/11/2020 cho đến nay với mức lãi suất là 12%/năm. Anh H cũng thừa nhận đã nhận tiền ông T chuyển để mua lợn và vay ông T, đến nay còn là 77.000.000 đồng gồm cả tiền mua lợn, tiền vay. Hai bên đã chấm dứt hợp đồng mua lợn, hai bên đã thừa nhận anh chưa trả số tiền còn lại đã nhận của ông T là 77.000.000 đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu anh H trả 77.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi suất là 12%/năm, thời hạn tính từ ngày 27/11/2020 cho đến nay đối với số tiền 77.000.000 đồng. Bị đơn chấp nhận mức lãi, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn. Tạm tính từ ngày 27/11/2020 đến ngày 14/6/2023 làm tròn là 02 năm 06 tháng, số tiền lãi là: $77.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng} = 23.100.000 \text{ đồng}$.

Căn cứ các chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh H là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy căn cứ theo quy định tại các Điều 274, 275, 427, 430, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc anh H phải trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 27/11/2020 đến ngày 14/6/2023 là: 77.000.000 đồng + 23.100.000 đồng = 100.100.000 đồng.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 274, 275, 427, 430, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức T.

Buộc anh Phạm Văn H phải trả cho ông Ngô Đức T toàn bộ số tiền gồm: Số tiền nợ gốc là 77.000.000 đồng.

Số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 14/6/2023 là 23.100.000 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi anh H phải trả cho ông T là 100.100.000 đồng (Một trăm triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 5.005.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả lại ông Ngô Đức T số tiền 2.271.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006231 ngày 09/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn